TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 31-01-2026
V/v ly hôn Loan – Quang

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ngọc Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lưu Thị Ngọc Huỳnh

Ông Võ Thái Quân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 12, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Phong – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2026, tại Tòa án nhân dân Khu vực 12 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 128/2025/TLST - HNGĐ ngày 07/10/2025 về tranh chấp *"Ly hôn, nuôi con khi ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 113/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 30 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Trần Thùy L, sinh năm 1987.

Căn cước công dân số: 096187015051.

Nơi cư trú: ấp T, xã P, tỉnh An Giang.

Chỗ ở hiện nay: số B, ấp H, xã T, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: ông Lê Văn Q, sinh năm 1983.

Căn cước công dân số: 089083001142.

Nơi cư trú: tổ I, ấp T, xã P, tỉnh An Giang.

(bà L có mặt; ông Q vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/06/2025 nguyên đơn bà Trần Thùy L trình bày:

Sau thời gian tìm hiểu nhau về tình cảm, bà L ông Q thành vợ chồng, có tổ chức lễ cưới năm 2010 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 23/2010, ngày 23 tháng 02 năm 2010(nay là Ủy ban nhân dân xã P). Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng cùng đi làm thuê ở nhiều nơi tại Đồng Nai để mưu sinh, quá trình chung sống thì vợ chồng mâu thuẫn kéo dài nhiều năm về chuyện tiền bạc về việc chi tiêu trong gia đình, còn ông Q bản tính hay ghen, đồng thời có nhiều lời lẻ xúc phạm danh dự bà L cùng gia đình bà và có hành vi bạo lực với bà L khi vợ chồng cãi nhau, bà đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng ông Q không thay đổi mà nghe lời vu khống của người ngoài, nói bà ngoại tình có người đàn ông khác mà không hề có căn cứ, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi nhau, mâu thuẫn kéo dài dẫn đến vợ chồng không còn sự tin tưởng nhau trong cuộc sống. Đến tháng 10/2024, vợ chồng tiếp tục mâu thuẫn và ông Q không muốn tiếp tục chung sống nữa nên yêu cầu bà đi khỏi nhà, trước khi đi vợ chồng thỏa thuận ông Q sẽ nuôi con Lê Đức V và bà L cùng con Lê Thị Hồng N trở về nhà cha mẹ ruột của bà tại Cà Mau và vợ chồng ly thân cho đến nay. Quá trình ly thân không ai còn muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng vì mâu thuẫn kéo dài nhiều năm nên giờ bà L không muốn tiếp tục chung sống nữa, nay tình cảm không còn bà L yêu cầu ly hôn với ông Lê Văn Q.

Về con chung: có 02 con chung tên Lê Đức V, sinh ngày 17/8/2010, hiện ông Q đang nuôi dưỡng cháu V và Lê Thị Hồng N, sinh ngày 03/5/2015, hiện bà L đang nuôi dưỡng cháu N. Nay bà L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N, bà đồng ý tiếp tục giao cháu V cho ông Q nuôi dưỡng, bà L không yêu cầu cấp dưỡng và bà cũng không cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: không có yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Lê Văn Q vắng mặt, không có ý kiến trình bày.

Tài liệu do Toà án thu thập được: Đại diện Công an xã P cho biết công dân Lê Văn Q, sinh ngày 01/01/1983 và công dân Lê Đức V, sinh ngày 17/8/2010 cùng thường trú tổ B, ấp T, xã P, tỉnh An Giang

Bà Trần Thị Ú, sinh ngày 11/02/1991 là em gái ruột của bà Trần Thùy L cho biết do tôi Ú từng chứng kiến anh rễ(ông Q) hành hung chị gái tôi(bà L) xúc phạm danh dự của chị tôi và đuổi chị tôi ra khỏi nhà

Tại phiên tòa, kiểm sát *viên phát biểu về quá trình tiến hành tố tụng và đề xuất như sau:*

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, bảo đảm các trình tự, thủ tục và quyền tranh tụng tại phiên tòa. Nguyên đơn bà L đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo

quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn ông Lê Văn Q đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án là chưa thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự, ông Q vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Q là phù hợp với quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thùy L đối với ông Lê Văn Q. Khi ly hôn bà L yêu cầu được nuôi con chung tên Lê Thị Hồng N, sinh ngày 03/5/2015 Hồng N đang sống chung bà L, đồng ý giao con chung tên Lê Đức V, sinh ngày 17/8/2010 cho ông Q tiếp tục nuôi dưỡng, không ai cấp dưỡng cho ai.

- Về án phí: bà Trần Thùy L phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: bà L yêu cầu ly hôn, giải quyết con chung với ông Q nên xác định quan hệ tranh chấp là *"Ly hôn, nuôi con khi ly hôn"* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có nơi cư trú tại ấp T, xã P, tỉnh An Giang nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân Khu vực 12 theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: bị đơn ông Q được tống đạt hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: bà L và ông Q tự nguyện đi đến hôn nhân năm 2010 và có đăng ký kết hôn năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã T(nay là xã P) ngày 23/02/2010 là hôn nhân hợp pháp nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng. Ông Q, bà L chung sống vợ chồng nhưng thường xuyên cải nhau, tính tình vợ chồng không còn phù hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, khi xảy ra cự cải không tìm cách hoà giải mà lại bỏ nhà đi từ tháng 10/2024 đến nay, vợ chồng ly thân, trong thời gian ly thân không ai qua lại hỏi thăm hay có ý hàn gắn tình cảm vợ chồng, nay bà L xin ly hôn với ông Q.

Theo quy định tại Điều 19, Luật hôn nhân và gia đình 2014 quy định: "*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẽ, thực hiện các công việc trong gia đình; Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau*….". Thế nhưng vợ chồng ông Q, bà L không còn chung sống khoảng hơn 01 năm nay là khoảng thời gian dài. Điều này chứng tỏ vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cũng như không thể chia sẻ công việc trong gia đình với nhau được nữa, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử thống nhất cho bà Trần Thùy L được ly hôn ông Lê Văn Q.

[2.2] Về con chung: có 02 con chung tên Lê Thị Hồng N, sinh ngày 03/5/2015 và Lê Đức V, sinh ngày 17/8/2010, Hồng N đang sống chung bà L, Đức V đang sống chung ông Q, khi ly hôn bà L yêu cầu được nuôi con chung Hồng Nhung, đồng ý giao con chung Đức V cho ông Q tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu ông Q cấp dưỡng cho con. Ông Q vắng mặt không ý kiến về con chung, vì thế HĐXX không xem xét giải quyết.

[2.3] bà L trình bày tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí: bà Trần Thùy L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227, Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 19, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Đ a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thùy L.

Về hôn nhân: Cho bà Trần Thùy L được ly hôn ông Lê Văn Q.

Về con chung: Giao con chung Lê Đức V, sinh ngày 17/8/2010 cho ông Lê Văn Q được tiếp tục nuôi dưỡng. Con chung Đức V đang sống chung ông Q, giao con chung Lê Thị Hồng N, sinh ngày 03/5/2015 cho bà Trần Thùy L được tiếp tục nuôi dưỡng, ông Q, bà L không phải cấp dưỡng cho con.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, cơ quan tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung không yêu cầu giải quyết, nợ chung không có.

Về án phí: bà Trần Thùy L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003234 ngày 07/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Bà Trần Thùy L không phải nộp thêm án phí.

Ông Lê Văn Q không phải chịu án phí.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Q, bà L vắng mặt thời hạn kháng cáo bản án là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKS nhân dân Khu Vực 12;
- UBND xã Tân Trung(nay là xã Phú Tân);
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Thi hành án dân sự tỉnh An Giang;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Ngọc Thảo